



Hải Dương, ngày 15 tháng 7 năm 2023

**BIÊN BẢN HỌP RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA,
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

I/. Thời gian, địa điểm, thành phần

- 1. Thời gian:** từ 8h35', ngày 15 tháng 7 năm 2023
- 2. Địa điểm:** Phòng họp tầng 3 - Cơ sở Nguyễn Thị Duệ.
- 3. Thành phần:**

TS. Tạ Thị Thúy Ngân - Chủ tịch Hội đồng KH&ĐT: Chủ tọa

TS. Nguyễn Phương Ngọc: Thư ký

Các thành viên Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHHD (có Danh sách kèm theo).

II/. Nội dung cuộc họp

1. Chỉ đạo cuộc họp

TS. Tạ Thị Thúy Ngân - Chủ tọa công bố khai mạc cuộc họp, triển khai nội dung cuộc họp: *Rà soát, đánh giá mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung CTĐT/Chương trình dạy học trình độ đại học, ngành Ngôn ngữ Anh.*

Mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung CTĐT/Chương trình dạy học trình độ đại học, ngành Ngôn ngữ Anh đã được gửi file tới các thành viên Hội đồng. Các ý kiến trao đổi, góp ý được thư ký tổng hợp từ Phiếu đánh giá và các trao đổi trực tiếp tại cuộc họp, làm căn cứ để Hội đồng ra quyết nghị.

Yêu cầu tổ trưởng tổ rà soát ngành Ngôn ngữ Anh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ rà soát CTĐT của ngành.

2. Tổ trưởng tổ rà soát báo cáo kết quả thực hiện

- Đọc Thu báo cáo quá trình thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến chương trình đào tạo, các quy định chung của Trường về rà soát CTĐT, các văn bản quy định nhóm các học phần chung thống nhất đào tạo trong trường.

- Thực hiện theo Quy chế đào tạo ban hành năm 2023 và chỉ đạo của đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo;

- Bộ môn/Khoa trên cơ sở CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh thực hiện cho Khóa 12; Nghiên cứu văn bản quyết định của trường về quy chế đào tạo, và qua tham khảo một số cơ sở đào tạo như Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Hải Phòng... xây dựng chuẩn đầu ra cho ngành Ngôn ngữ Anh đã gửi tài liệu dự thảo mục tiêu đào tạo và chuẩn

đầu ra tới từng giảng viên khoa Ngoại ngữ tiến hành so sánh giữa chương trình đang đào tạo và định hướng phát triển của chương trình đào tạo trong thời gian tới;

Tổ chức lấy ý kiến góp ý, điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành (nếu có), chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh. Các thành viên tham gia buổi họp đề xuất, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp. Khoa tiến hành họp khoa và thực hiện rà soát như sau:

a) Về mục tiêu của CTĐT

Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

- Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành ngôn ngữ Anh nhằm đào tạo người học có kiến thức chuyên môn toàn diện, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo, năng lực nghiên cứu khoa học, khả năng làm việc độc lập sáng tạo và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Anh đáp ứng khung trình độ quốc gia. Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lí luận và thực tiễn làm việc bằng tiếng Anh, nghiên cứu tiếng Anh; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc, tự thích ứng để học tập suốt đời; có ý thức phục vụ nhân dân; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể (PO)

PO1: Có kiến thức nền tảng về văn hóa, chính trị, xã hội, kiến thức ngôn ngữ, văn minh - Văn hóa Anh, và tiếng Anh chuyên ngành trong một số lĩnh vực nghề nghiệp su phạm, kinh doanh và thương mại.

PO2: Có kiến thức chuyên môn về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, tiếng Anh chuyên ngành kinh doanh – thương mại và kiến thức một ngoại ngữ thứ hai.

PO3: Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh và một ngoại ngữ khác hỗ trợ trong giao tiếp xã hội và nghề nghiệp.

PO4: Có năng lực nghề nghiệp làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy tiếng Anh và một số hoạt động kinh doanh- thương mại, v.v.

PO5: Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập và tự học hiệu quả để chủ động mở rộng kiến thức, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và kỹ năng nghề nghiệp.

PO6: Rèn luyện các kỹ năng xã hội cần thiết, bồi dưỡng thái độ và nhận thức tích cực đối với việc học tập và nghề nghiệp, bồi dưỡng tinh thần phục vụ cộng đồng.

b) Về chuẩn đầu ra của CTĐT

*** Về kiến thức**

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về văn hóa, chính trị, xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ Anh, kiến thức chuyên ngành giảng

dạy và thương mại vào giải quyết các vấn đề liên quan theo chuyên ngành đào tạo.

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

*** Về kỹ năng**

PLO4: Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp xã hội, giao tiếp công sở, và giao dịch bằng văn bản và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động giáo dục và hướng nghiệp.

PLO5: Có kỹ năng khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học trong quá trình học tập và làm việc.

PLO6: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tương đương bậc 5/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn. Sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3/6).

PLO7: Có kỹ năng sử dụng linh hoạt tiếng Anh chuyên ngành thương mại hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh và dịch vụ.

PLO8: Có kỹ năng vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn tiếng Anh ở trường phổ thông.

PLO9: Có kỹ năng vận dụng sáng tạo các phương pháp giảng dạy tiếng Anh phù hợp đối với người học ở độ tuổi và bậc học khác nhau.

*** Về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

PLO10: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO11: Thể hiện ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng tổ chức kỷ luật, và tinh thần phục vụ cộng đồng.

c) Về khung CTĐT/Chương trình dạy học

Điều chỉnh khung CTĐT ngành Kế toán từ 120 TC lên 125 TC, cụ thể như sau:

*** Bổ sung các học phần:**

Kiến thức giáo dục đại cương:

1. HP Cơ sở văn hóa Việt nam (2TC)

Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành

1. Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1 (5TC)

2. Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2 (5TC)

3. Nghe – Nói 2 (3TC)

4. Nghe – Nói 3 (3TC)

5. Đọc – Viết 2 (3TC)

6. Đọc – Viết 3 (3TC)

7. Dẫn luận ngôn ngữ (2TC)

Các học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở ngành

1. Ngôn ngữ học đối chiếu (2TC)/ Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (2TC)

Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành

1. Tâm lý học (3TC)

2. Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh (3TC)

3. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1 (3TC)

4. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 (2TC)

5. Kiểm tra đánh giá tiếng Anh (3TC)

6. Phát triển chương trình và học liệu (3TC)

Các học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành

Giao thoa văn hóa (2TC)/ Kỹ năng thuyết Trình (2TC)/ Sử dụng Games và Songs trong giảng dạy ngoại ngữ (2TC)

Thực tập: Bổ sung hp thực tập sư phạm

Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế

Bổ sung các HP thay thế khóa luận tốt nghiệp: lựa chọn 1 trong 2 nhóm

Nhóm 1: Định hướng sư phạm

1) Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh (3TC)

2) Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh (3TC)

Nhóm 2: Định hướng thương mại

1) Tiếng Anh nâng cao (3TC)

2) Tiếng Anh Kinh tế và Giao tiếp thương mại (3TC).

*** Chuyển học phần tự chọn sang học phần bắt buộc**

Kiến thức giáo dục đại cương:

1. Dẫn luận ngôn ngữ sang khối kiến thức cơ sở ngành và là hp bắt buộc.

Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành

Văn hóa Anh–Mỹ từ khối Kiến thức chuyên ngành sang hp bắt buộc khối KT cơ sở ngành

Các học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở ngành

Cơ sở văn hóa Việt nam (2TC) khối kiến thức cơ sở ngành về khối kiến thức đại cương, và là học phần bắt buộc

Chuyển các học phần từ khối kiến thức cơ sở ngành về kiến thức chuyên ngành:

- Lý thuyết dịch (2TC)
- Ngữ âm - Âm vị học (2TC), chuyển tên thành Ngữ âm tiếng Anh và tăng thời lượng lên (3TC)
- Từ vựng học (2TC) chuyển tên thành Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Anh, tăng thời lượng lên (3TC)

Chuyển học phần từ khối kiến thức chuyên ngành về khối kiến thức cơ sở ngành Văn hóa Anh-Mỹ (2TC)

*** Cắt giảm các học phần:**

Kiến thức giáo dục đại cương:

- Bỏ các HP: Kinh tế vĩ mô (3TC); Kinh tế vi mô (3TC); Tiếng Anh giao tiếp căn bản (3TC) và Tiếng Việt cơ sở (2TC)

- Giảm số tín chỉ: Tiếng Trung 2 (4TC) còn 3TC

Các học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở ngành

- Bỏ các học phần: Lịch sử Văn minh thế giới (2TC), Văn hóa kinh doanh/Khởi nghiệp (2TC)

Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành

- Bỏ các học phần Tiếng Anh thương mại 3 đến HP TA thương mại 7.
- Học phần giao tiếp kinh doanh (3TC)

Các học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành

Thương mại điện tử / Giao dịch và Đàm phán kinh doanh (2TC)

- Học phần Ngữ pháp 2 (2TC)

Kiến thức bổ trợ chuyên ngành

Bỏ 2 nhóm học phần bổ trợ:

- Tăng thời lượng của học phần TA thương mại 1 (3TC) và TA thương mại 2 (3TC)

Đổi tên học phần Phiên dịch (3TC) thành Phiên dịch thương mại và giảm thời lượng còn 2TC

Đổi tên HP:

- Tiếng Anh Cơ bản - Thực hành tổng hợp (4TC) thành Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3 (5TC)

- Nghe -Nói (3TC) thành Nghe -Nói 1 (3TC)

- Đọc- Viết (3TC) thành Đọc-Viết 1 (3TC)

Các học phần bắt buộc thuộc kiến thức chuyên ngành

Ngoài ra, một số HP điều chỉnh số tiết giữa lý thuyết và thực hành, số tiết thực hành và tự học được thể hiện trong CTĐT.

- Khung chương trình đào tạo đề xuất:

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Điều kiện tiên quyết
				Lên lớp		Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành		
1. Kiến thức giáo dục đại cương <i>(Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)</i>			25				
Lí luận chính trị			11				
1	POL001	Triết học Mác-Lênin	3	36	9	105	Không
2	POL002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	20	10	70	Không
3	POL003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	70	Không
4	POL004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70	Không
5	POL005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	70	Không
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	
8	ME008- ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	165t	77	88		
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		ME008
8.3	ME010	GDQP-AN3: Quân sự chung		14	16		ME009

8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		ME010
Ngoại ngữ - Tin học			8				
Bắt buộc							
12	IT012	Tin học đại cương	2	15	15	30	
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)							
13	Tự chọn 1 (Ngoại ngữ 2)						
13.1	RU013.1	Tiếng Nga 1	3	36	9	105	
13.2	CH013.2	Tiếng Trung 1	3	36	9	105	
14	Tự chọn 2 (Ngoại ngữ 2)						
14.1	RU014.1	Tiếng Nga 2	3	36	9	105	
14.2	CH014.2	Tiếng Trung 2	3	36	9	105	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			6				
15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	
16	CUL016	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
17	EN017	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	21	9	70	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			100				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			40				
Các học phần bắt buộc			38				
18	EN118	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	5	60	15	175	
19	EN119	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	5	60	15	175	
20	EN120	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	60	15	175	
21	EN121	Nghe-Nói tiếng Anh 1	3	36	9	105	
22	EN122	Đọc-Viết tiếng Anh 1	3	36	9	105	
23	EN123	Nghe-Nói tiếng Anh 2	3	36	9	105	

24	EN124	Đọc-Viết tiếng Anh 2	3	36	9	105	
25	EN125	Nghe-Nói tiếng Anh 3	3	36	9	105	
26	EN126	Đọc-Viết tiếng Anh 3	3	36	9	105	
27	LIN127	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	24	6	70	
28	EN128	Văn hóa Anh-Mỹ	3	36	9	105	
Học phần tự chọn 3 (Chọn 1 trong các học phần)			2				
29.1	EN329.1	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	24	6	70	
29.2	EN329.2	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống	2	24	6	70	
29.3	EN329.3	Phân tích diễn ngôn	2	24	6	70	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			46				
Nhóm 1: Kiến thức chuyên sâu ngôn ngữ Anh			9				
30	EN230	Ngữ âm tiếng Anh	3	36	9	105	
31	EN231	Từ vựng-ngữ nghĩa tiếng Anh	3	36	9	105	
32	EN232	Ngữ pháp tiếng Anh	3	36	9	105	
Nhóm 2: định hướng sư phạm			19				
Các học phần bắt buộc			17				
33	PSE 233	Tâm lý học	3	36	9	105	
34	TMT234	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	35	10	105	
35	TMT235	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	3	30	15	105	
36	TMT236	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	2	24	6	70	
37	TMT237	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	3	36	9	105	
38	TMT238	Phát triển chương trình và học liệu	3	36	9	105	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)			2				

39.1	EN339.1	Giao thoa văn hóa	2	24	6	70	
39.2	EN339.2	Kỹ năng thuyết trình	2	24	6	70	
39.3	EN339.3	Sử dụng Games và Songs trong giảng dạy ngoại ngữ	2	24	6	70	
Nhóm 3: Định hướng tiếng Anh thương mại			18				
Các học phần bắt buộc			16				
40	EN240	Lý thuyết dịch	2	24	6	70	
41	EN241	Tiếng Anh Thương mại 1	3	36	9	105	
42	EN242	Tiếng Anh thương mại 2	3	36	9	105	
43	EN243	Biên dịch thương mại	3	36	9	105	
44	EN244	Phiên dịch thương mại	2	24	6	70	
45	EN245	Thư tín thương mại	3	36	9	105	
Các học phần tự chọn			2				
46.1	EN346.1	Biên-phiên dịch nâng cao	2	24	6	70	
46.2	EN346.2	Tiếng Anh thương mại nâng cao	2	24	6	70	
2.3. Thực tập			8				
47	TMT247	Thực tập sư phạm	6		300		
48	PT248	Thực tập thực tế	2		100		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			6				
Khóa luận tốt nghiệp							
49A	449A	Khóa luận tốt nghiệp	6				
Học phần thay thế: chọn 1 trong 2 nhóm			6				
Nhóm 1: Định hướng sư phạm							
Nhóm 2: Định hướng tiếng Anh thương Mại							
Tổng cộng			125				

3) Ý kiến của các thành viên dự họp

- TS. Tăng Thế Toan:

Nhất trí với mục tiêu, chuẩn đầu ra, tổng thời lượng 125 tín chỉ của CTĐT.

Cần làm rõ 125 tín chỉ tương ứng với bao nhiêu tiết để thực hiện phân kỳ. Đồng thời, cần phân định rõ môn lý thuyết, môn thực hành để phân bổ số tiết lý thuyết, thực hành trong từng môn học tránh là đội thời gian toàn chương trình lên. Cách bố trí này áp dụng thống nhất cho tất cả các ngành.

- TS. Đàm Văn Bắc: Nhất trí với mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Việc điều chỉnh thời lượng toàn chương trình lên 125 tín chỉ là phù hợp với tương quan chung các ngành hiện nay và với đối tượng – SV của Trường.

- TS. Lê Thị Nguyệt:

Nhất trí với mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Nhất trí với việc cắt giảm học phần Kinh tế vĩ mô (3TC); Kinh tế vi mô (3TC).

Tổng thời lượng toàn CTĐT là 125 tín chỉ là hợp lý.

- TS. Phạm Ngọc Hoa: mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT; với Đổi tên HP và giảm thời lượng: Tin học cơ bản (3TC)-> Tin học đại cương (2TC)

- Đ/c Tô Văn Sông: Nhất trí với mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT. Cần thống nhất tên các học phần của khối kiến thức đại cương giữa các ngành. Cần điều chỉnh một số lỗi chế bản.

- TS. Nguyễn Thị Thu Hà: Nhất trí với ý kiến góp ý của các đồng chí nêu trên.

Tổng thời lượng toàn CTĐT là 125 tín chỉ là hợp lý.

Nhất trí với việc cắt giảm học phần Tiếng Anh cơ bản theo hướng tăng cường tự học cho SV.

Cần tham vấn thêm ý kiến của các chuyên gia, tham khảo trường tiên tiến và trường cùng hạng với trường ta để xây dựng CTĐT sát đúng.

- TS. Nguyễn Văn Quyên: Việc điều chỉnh CTĐT ngành ngoại ngữ theo hướng dung hòa giữa TA thương mại với ngôn ngữ Anh nói chung là cần thiết và phù hợp với nhu cầu SV có thể học NNA và học thêm chứng chỉ sư phạm để đi giảng dạy.

Nhất trí với mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT; Nêu rõ tỷ trọng tính điểm học phần theo tỷ trọng 40% - 60% .

- Các đồng chí khác được hỏi nhất trí với ý kiến của các đồng chí chủ tọa và các đồng chí phát biểu trước và đã thể hiện quan điểm trên Phiếu đánh giá.

III. Kết luận

TS. Tạ Thị Thúy Ngân - Chủ tọa kết luận nội dung cuộc họp:

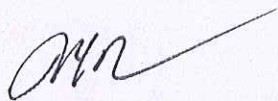
Đồng ý với Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, cắt giảm, đổi tên, thay thế các học phần như dự thảo.

Thông nhất tên học phần khối kiến thức đại cương giữa các ngành; Cách tính điểm học phần (điểm giữa kỳ: 40%; điểm thi: 60%) và đảm bảo đồng bộ giữa các ngành.

Giao nhiệm vụ cho Khoa Ngoại ngữ tiếp thu ý kiến hội đồng, tiếp tục hoàn thiện việc rà soát, điều chỉnh CTĐT theo kế hoạch đề ra.

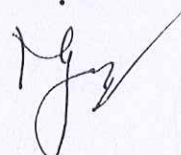
Cuộc họp kết thúc vào lúc 10h00' cùng ngày.

THƯ KÝ



TS. Nguyễn Phương Ngọc

CHỦ TỌA



TS. Tạ Thị Thúy Ngân